

# TỔNG QUAN VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ SẢN XUẤT LÚA GẠO THEO TIÊU CHUẨN CHỨNG NHẬN

Đỗ Huy Thiệp<sup>1\*</sup>, Phạm Bảo Dương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Viện nghiên cứu Thị trường và Thể chế Nông nghiệp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

<sup>2</sup>*Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: [thiepdo.ami@vnua.edu.vn](mailto:thiepdo.ami@vnua.edu.vn)

Ngày nhận bài: 21.03.2023

Ngày chấp nhận đăng: 21.06.2023

## TÓM TẮT

Ngành hàng lúa gạo Việt Nam hiện nay đóng vai trò quan trọng cả về mặt kinh tế - xã hội và được định hướng phát triển theo các tiêu chuẩn chứng nhận. Bài báo này được thực hiện nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận về sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn tại Việt Nam, bao gồm khái niệm, vai trò, yếu tố tác động đến quyết định tham gia sản xuất lúa gạo có chứng nhận, thực tiễn Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế trong việc phát triển sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận. Từ kết quả tổng quan tài liệu, bài báo cho thấy sản xuất lúa gạo theo các tiêu chuẩn chứng nhận có nhiều tiềm năng giúp giảm chi phí vật tư và tăng lợi nhuận cho nông dân. Có nhiều yếu tố cả bên trong và bên ngoài tác động đến việc tham gia sản xuất lúa gạo có chứng nhận của người dân, tuy nhiên lợi ích kinh tế từ việc sản xuất này mang lại vẫn là yếu tố được quan tâm nhất. Để thúc đẩy sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận tại Việt Nam, nhà nước cần có hỗ trợ cho các hộ nông dân trong quá trình chuyển đổi, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hoàn chỉnh cho sản phẩm chứng nhận và tập trung vào các tiêu chuẩn được thị trường tiêu thụ chính công nhận.

Từ khóa: Lúa gạo, chứng nhận, tiêu chuẩn.

## Theoretical and Practical Issues on Rice Farming Following Certified Standards - A Review

### ABSTRACT

Vietnam's rice sector plays an important socio-economic role and is oriented to develop according to certified standards. This article aims to systematize the theoretical basis for certified rice cultivation standards in Vietnam, including the concept, role, and factors affecting the decision to participate in certified rice cultivation as well as current situation in Vietnam and international experience in developing rice production according to certified standards. From the results of the literature review, the article shows that rice production according to certified standards has great potential to help reduce material costs and increase profits for farmers. There are internal and external factors affecting people's participation in certified rice production, but the economic benefits from this production are still the most concerned factor. In order to promote rice production according to certified standards in Vietnam, the government needs to support farmers in the transition process from traditional cultivation to certified cultivation, build a complete traceability system for certified products, and focus on standards recognized by the main consumer market.

Keywords: Rice, farming, certified, standard

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, ngành hàng lúa gạo Việt Nam vẫn đóng vai trò quan trọng cả về mặt kinh tế và xã hội. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu nông lâm sản của Việt Nam đạt kỷ lục 53,2 tỷ USD, trong đó lúa gạo xuất khẩu 7,3 triệu tấn,

đóng góp 3,54 tỷ USD (Tổng cục Hải quan, 2023), tương đương 6,7%. Về mặt xã hội, tính toán từ dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2020 cho thấy lúa gạo vẫn là nguồn thu của hơn 8,3 triệu hộ dân tại Việt Nam.

Nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm gạo sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng

nhận đang tăng trưởng nhanh chóng. Hầu hết các nghiên cứu đều cho rằng nhu cầu đối với sản phẩm nông nghiệp nói chung và gạo được chứng nhận sẽ ngày càng tăng lên trong dài hạn do tăng trưởng thu nhập, khả năng tiếp cận sản phẩm tăng lên, ý thức của người dân tốt hơn về sức khỏe, nhận thức về môi trường (Scialabba & Hattam, 2002; Stranieri & cs., 2017; Apaolaza, Hartmann & cs., 2018; Ditlevsen & cs., 2019; Nguyen & Truong, 2021). Ước tính giá trị của sản phẩm gạo hữu cơ được chứng nhận năm 2022 là hơn 2,13 tỷ USD và dự báo sẽ tăng lên 3,57 tỷ USD vào năm 2029 (Infinity Business Insights, 2023).

Tại Việt Nam, đẩy mạnh sản xuất lúa gạo theo các tiêu chuẩn chứng nhận là một trong những định hướng phát triển quan trọng. Từ năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, trong đó quy định về nội dung và mức hỗ trợ đối với việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Gần đây, quyết định 255/2021/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 nêu rõ, để có thể đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường cao cấp, ngành nông nghiệp nói chung và ngành lúa gạo nói riêng cần “kiểm soát chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực”. Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định 150/2022/QĐ-TTg cũng đặt mục tiêu “thống nhất áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất bền vững (VietGAP, GlobalGAP,...)” cho sản phẩm lúa gạo. Đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2025 và 2030 (phê duyệt theo quyết định số 555/2021/QĐ-BNN-TT) cũng đặt mục tiêu đến năm 2025 có trên 60% diện tích gieo trồng lúa áp dụng tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt.

Mặc dù nhận được nhiều sự quan tâm nhưng thực tế quá trình phát triển cũng như các nghiên cứu liên quan đến sản xuất lúa theo các tiêu chuẩn chứng nhận tại Việt Nam còn nhiều

hạn chế. Diện tích sản xuất nông nghiệp theo các tiêu chuẩn chứng nhận chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng diện tích, đặc biệt là đối với sản phẩm lúa gạo (Vũ Anh Pháp & cs., 2021) và phần lớn đều ở dạng các mô hình thí điểm (Khổng Tiến Dũng, 2022). Các nghiên cứu về sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận tại Việt Nam cũng mới chỉ tập trung vào một tiêu chuẩn nhất định tại một địa bàn cụ thể mà chưa có nghiên cứu tổng thể nào về vấn đề này. Do đó, sử dụng phương pháp nghiên cứu tại bàn, bài báo này được thực hiện nhằm mục tiêu: (1) Tổng quan lý luận về sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn và (2) Đánh giá thực tiễn tại Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế trong sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn. Từ đó, bài báo cung cấp thông tin về cơ sở lý thuyết, thực tiễn cũng như kinh nghiệm quốc tế đối với sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn, các thông tin này vừa hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước và đồng thời làm nền tảng để phát triển các nghiên cứu thực nghiệm sau này.

## 2. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SẢN XUẤT LÚA GẠO THEO TIÊU CHUẨN CHỨNG NHẬN

### 2.1. Khái niệm và phân loại tiêu chuẩn chứng nhận trong sản xuất lúa gạo

Theo Văn bản hợp nhất 31/VBHN-VPQH năm 2018 hợp nhất Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật do Văn phòng Quốc hội ban hành, tiêu chuẩn được định nghĩa là “*quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này*”. Theo Tiêu chuẩn Việt Nam ISO/IEC 17000:2005 thì hoạt động chứng nhận là “*xác nhận sự phù hợp của bên thứ ba đối với các sản phẩm quá trình, hệ thống hoặc chuyên gia*”. Trong phạm vi của bài báo, khái niệm sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận được kế thừa và tổng quát hóa từ hai khái niệm trên và Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT là “*hoạt*

*động canh tác lúa gạo theo quy trình tiêu chuẩn và được đánh giá, xác nhận của tổ chức chứng nhận có thẩm quyền”.*

Xét về tác nhân ban hành, tiêu chuẩn chứng nhận lúa gạo có thể chia làm ba nhóm chính. Thứ nhất là tiêu chuẩn do tác nhân trong chuỗi giá trị ban hành. Tiêu biểu nhất của nhóm này là tiêu chuẩn GlobalGAP (ban đầu được gọi là EureGAP). Đây là sáng kiến của các nhà bán lẻ lớn tại châu Âu triển khai từ năm 1997 nhằm đảm bảo sản phẩm nông nghiệp tiêu thụ tại các cửa hàng của họ đạt tiêu chuẩn chất lượng và không gây hại đến con người (GlobalGAP, 2023). Nhóm tác nhân ban hành thứ hai là chính phủ các quốc gia, vùng lãnh thổ. Phần lớn các tiêu chuẩn chứng nhận này được xây dựng dựa trên một khung chung và tùy biến tùy theo yêu cầu của các quốc gia. Ví dụ từ nền tảng GlobalGAP, các quốc gia và vùng lãnh thổ lần lượt xây dựng và ban hành tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt cho mình như MalaysiaGAP của Malaysia (2002), JGAP của Nhật Bản (2005), AseanGAP của ASEAN (năm 2006), ChinaGAP của Trung Quốc (2006), ThaiGAP và IndiaGAP (2007) của Thái Lan và Ấn Độ và VietGAP của Việt Nam (2008) (VietCert Centre, 2017). Hoặc đối với tiêu chuẩn hữu cơ thì có nhiều tiêu chuẩn khác nhau của từng quốc gia như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc, Canada, New Zealand. Nhóm thứ ba là nhóm tiêu chuẩn được ban hành bởi các tổ chức phi chính phủ. Cụ thể là tiêu chuẩn SRP do liên minh hơn 100 tổ chức nhà nước, tư nhân, xã hội và tổ chức tài chính phối hợp xây dựng nhằm cải thiện sinh kế của các hộ sản xuất nhỏ và giảm thiểu tác động tiêu cực về xã hội và môi trường của sản xuất lúa gạo.

Trong khuôn khổ của bài báo, tiêu chuẩn chứng nhận được phân tích sẽ tập trung vào các tiêu chuẩn chứng nhận được áp dụng phổ biến trong sản xuất lúa gạo tại Việt Nam, bao gồm: (1) Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices-GAP) (bao gồm VietGAP và GlobalGAP); (2) Hữu cơ (Organic), bao gồm tiêu chuẩn hữu cơ của Việt Nam (TCVN 11041), Nhật Bản, Liên minh Châu Âu và Hoa Kỳ và (3) Sản xuất lúa gạo bền vững (SRP).

## **2.2. Vai trò của việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận**

Các nghiên cứu khác nhau đưa ra những đánh giá khác nhau, thậm chí trái ngược về vai trò của mô hình sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận nói chung và của lúa gạo nói riêng đối với hộ nông dân.

Xét về sử dụng đầu vào, tác động của việc áp dụng tiêu chuẩn chứng nhận rất đa dạng tùy thuộc vào loại sản phẩm và tiêu chuẩn sản xuất (Meemken, 2020). Nghiên cứu của Ký lýc & cs. (2020) lại chỉ ra rằng các hộ nông dân sản xuất theo tiêu chuẩn GAP sử dụng ít phân hóa học hơn từ 18,9-49,4% và ít sử dụng các loại hóa chất bảo vệ thực vật hơn từ 25-70%. Điều này dẫn đến chi phí cho phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của các hộ sản xuất thấp hơn so với các hộ sản xuất truyền thống (Nguyen Ngoc Thanh, 2012; Ký lýc & cs., 2020; Suwanmaneepong & cs., 2020; Reddy & cs., 2022), khối lượng giống giảm đi gần 30% (Nguyen Cong Thanh & cs., 2016) và tổng chi phí sản xuất chỉ bằng 45% so với truyền thống (Eyhorn & cs., 2018). Tuy nhiên, các hộ sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn sẽ có chi phí lao động gia đình cao hơn do hoạt động sản xuất của họ cần nhiều lao động hơn (Suwanmaneepong & cs., 2020).

Tác động của việc sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận đến năng suất lúa là khá đa dạng, tùy vào từng tiêu chuẩn, sự thực hành sản xuất khác nhau hoặc địa bàn khác nhau. Theo các nghiên cứu, sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ thường có tác động ngược chiều đến năng suất do giảm thiểu sử dụng phân hóa học và sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật (Duong Van Hay & cs., 2017; Alexander & cs., 2018; Eyhorn & cs., 2018; Hồ Thị Thanh Sang & Lê Văn Gia Nhỏ, 2018; Mishra & cs., 2018; Nguyễn Văn Thành & cs., 2020a; Reddy & cs., 2022; Ký lýc & cs., 2020; Khổng Tiến Dũng, 2020b). Đối với tiêu chuẩn VietGAP thì một số nghiên cứu cho thấy mức năng suất sụt giảm từ 5-15% (Trần Minh Hùng & cs., 2020; Phạm Thị Phương Thúy & cs., 2014) nhưng một số nghiên cứu khác cũng tại địa bàn ĐBSCL lại cho thấy năng suất tăng lên (Vũ Anh Pháp & cs., 2021).

Tương tự như đối với năng suất, tác động về mặt kinh tế của sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận có sự khác biệt giữa các mô hình cụ thể nhưng nhìn chung có tiềm năng tạo tác động tích cực đến thu nhập của hộ. Một số nghiên cứu quốc tế cho thấy giá bán các sản phẩm nông sản được chứng nhận, trong đó có lúa gạo, cao hơn trung bình 14% so với các mô hình truyền thống (từ 4-23%) và lợi nhuận của các mô hình này cao hơn khoảng 10-20% (Nguyen Cong Thanh & cs., 2016; Oya & cs., 2017; Hay Van Duong & cs., 2017; Meemken, 2020; Mishra & cs., 2018; Noppol & cs., 2020; Eyhorn & cs., 2018; Hồ Thị Thanh Sang & Lê Văn Gia Nhỏ, 2018; Khổng Tiến Dũng, 2020a). Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại cho thấy lợi nhuận từ các mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn không thay đổi hoặc thậm chí thấp hơn so với sản xuất truyền thống do năng suất thấp hơn (do sản xuất hữu cơ) hoặc chi phí chứng nhận cao (đối với sản xuất theo tiêu chuẩn GAP) (Kýlyç & cs., 2020; Suwanmaneepong & cs., 2020; Khổng Tiến Dũng, 2020b).

Sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận sẽ đòi hỏi các yêu cầu kỹ thuật khắt khe và từ đó giảm thiểu tác động về mặt môi trường của việc sản xuất, tuy nhiên hiệu quả còn phụ thuộc nhiều vào mức độ tuân thủ quy định của các tác nhân sản xuất. Nghiên cứu của Vũ Anh Pháp & Nguyễn Hoàng Khải (2020) cho thấy mô hình sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn VietGAP sử dụng ít thuốc bảo vệ thực vật hơn (từ 5-30% tùy theo vụ và địa bàn) và ít phân bón hơn (10-25%) so với mô hình sản xuất truyền thống. Mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn cũng quản lý nước tốt hơn, giảm thời gian ngập nước trên ruộng thông qua biện pháp rút nước giữa vụ hoặc tưới khô, ứot xen kẽ. Những yếu tố này đều góp phần quan trọng trong giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong trồng lúa (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2014). Tuy nhiên nghiên cứu khác của Noppol & cs. (2020) lại cho thấy đối với mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ tại Thái Lan, mặc dù tổng lượng phát thải khí nhà kính của mô hình hữu cơ thấp hơn so với các mô hình truyền thống (3.289,1kg CO<sub>2</sub> tương đương/ha/năm so với 4.921,7kg CO<sub>2</sub> tương

đương/ha/năm), tuy nhiên cường độ phát thải trên mỗi kilogram lúa của các mô hình này lại cao hơn do sản lượng thấp hơn.

### **2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận**

Có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến quyết định thực hiện sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận của hộ nông dân, các yếu tố này có thể được chia thành hai nhóm chính, bao gồm nhóm yếu tố bên trong về đặc điểm hộ và nhóm yếu tố bên ngoài. Hai yếu tố này sẽ tác động trực tiếp cũng như tạo ra kỳ vọng về lợi ích kinh tế trong người dân của việc tham gia sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận.

Yếu tố bên ngoài tác động đến sự phát triển hoạt động sản xuất gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận bao gồm quy mô thị trường, chính sách hỗ trợ và sự phát triển của đầu vào và dịch vụ phụ trợ. Nhu cầu thị trường gạo được chứng nhận là yếu tố quan trọng quyết định giá bán cũng như hiệu quả kinh tế của việc sản xuất. Nghiên cứu của Scialabba & Hattam (2002) cho thấy thu nhập bình quân đầu người và nhận thức của người tiêu dùng về vấn đề môi trường là những yếu tố quan trọng tác động đến quy mô thị trường sản phẩm gạo có chứng nhận. Bên cạnh đó, sự phát triển của các kênh bán lẻ hiện đại, bao gồm cả các kênh trực tiếp và trực tuyến cũng là yếu tố quan trọng giúp các sản phẩm nông nghiệp tiếp cận được thị trường rộng hơn (Ortega & cs., 2015; Kongsom & Panyakul, 2016). Chính sách hỗ trợ của Nhà nước cũng sẽ giúp giảm thiểu chi phí cho việc sản xuất và chứng nhận (Endro & cs., 2022). Các chính sách quản lý về thị trường một cách chặt chẽ cũng sẽ tạo niềm tin của người tiêu dùng đối với các nông sản có chứng nhận và chấp nhận chi trả mức giá cao hơn (Nguyen & cs., 2018). Do đó, các chính sách hỗ trợ và quản lý hợp lý sẽ giúp giảm chi phí và đảm bảo lợi nhuận của việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn, nâng cao kỳ vọng về lợi ích kinh tế và khuyến khích người dân sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận. Việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận cũng cần có các đầu vào với tiêu chuẩn nhất định (ví dụ giống lúa xác nhận, phân hữu

cơ vi sinh, thuốc trừ sâu sinh học,...) và các dịch vụ phụ trợ như dịch vụ chứng nhận. Do đó chỉ khi các sản phẩm và dịch vụ này sẵn có thì người dân mới có thể chuyển đổi từ sản xuất lúa truyền thống sang sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận.

Nhóm yếu tố bên trong bao gồm các yếu tố về đặc điểm nhân khẩu học của hộ, đặc điểm về hoạt động sản xuất của hộ và nhận thức của hộ.

Các đặc điểm nhân khẩu học của hộ bao gồm tuổi của chủ hộ, giới tính của chủ hộ, lực lượng lao động của hộ, trình độ giáo dục của chủ hộ (Jourdain & cs., 2017; Hồ Thị Thanh Sang & Lê Văn Gia Nhỏ, 2018; Hoang Gia Hung, 2021; Endro & cs., 2022; Khổng Tiến Dũng, 2022). Hầu hết các nghiên cứu đều thống nhất về quan hệ tương quan thuận giữa việc sản xuất lúa theo tiêu chuẩn chứng nhận và lực lượng lao động của hộ, trình độ giáo dục của chủ hộ (Jourdain & cs., 2017; Hồ Thị Thanh Sang & Lê Văn Gia Nhỏ, 2018; Khổng Tiến Dũng, 2022). Điều này là do việc sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận đòi hỏi lao động gia đình nhiều hơn cho những việc như nhổ cỏ, chăm sóc cây do hạn chế sử dụng phân bón và hóa chất. Ngoài ra những hộ có trình độ học vấn cao hơn cũng nắm bắt thông tin tốt hơn, học hỏi từ mô hình tốt hơn, từ đó tham gia vào mô hình nhiều hơn. Tuy nhiên, các nghiên cứu có quan niệm trái ngược nhau về yếu tố tuổi của chủ hộ. Trong khi Khổng Tiến Dũng (2022) cho rằng chủ hộ có tuổi càng cao sẽ càng tích lũy được nhiều kiến thức có liên quan, nhận thức được vai trò quan trọng của mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn, từ đó tham gia nhiều hơn thì nghiên cứu của Hoàng Gia Hùng (2021) lại cho rằng chủ hộ tuổi càng trẻ sẽ càng có xu hướng tham gia vào việc hoạt động sản xuất theo tiêu chuẩn do có khả năng tiếp cận thông tin tốt hơn, sẵn sàng thay đổi hơn.

Đặc điểm về sản xuất bao gồm kinh nghiệm của chủ hộ, quy mô sản xuất, mức độ đa dạng hóa trong sản xuất, điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý của mảnh đất của hộ. Các nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tương quan thuận giữa kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp của chủ hộ, quy mô sản xuất của hộ và mức độ đa dạng hóa sản xuất của hộ đối với việc tham gia sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận (Hồ Thị Thanh

Sang & Lê Văn Gia Nhỏ, 2018; Hoang Gia Hung, 2021; Endro & cs., 2022; Khổng Tiến Dũng, 2022). Ngoài ra, trang trại sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn nếu có vị trí gần trang trại truyền thống sẽ có thể bị ảnh hưởng khi các loại thuốc trừ sâu, chất hóa học từ trang trại khác bay vào hoặc thấm thấu vào, khiến sản phẩm đầu ra không đạt tiêu chuẩn (United States Environmental Protection Agency, 2023).

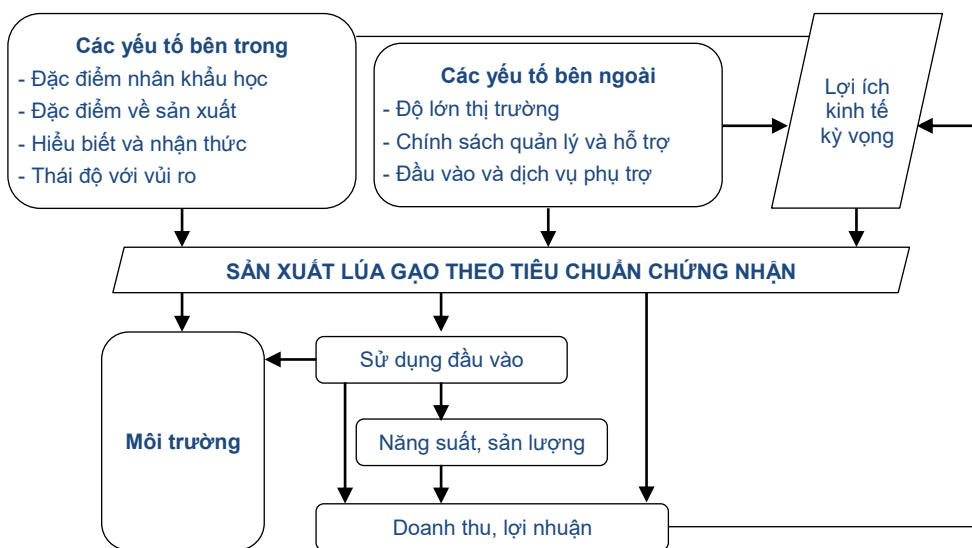
Hiểu biết và nhận thức của người dân về sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận và hai yếu tố này gắn chặt với các chương trình đào tạo, tập huấn và phổ biến thông tin của các cơ quan nhà nước và ảnh hưởng trực tiếp tới sự sẵn sàng tham gia của người dân trong việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận. Trong trường hợp của Thái Lan, nhận thức được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy người dân tham gia sản xuất theo tiêu chuẩn GAP, tuy nhiên nghiên cứu của Jourdain & cs. (2017) lại cho thấy việc tham gia các chương trình có tác động ngược chiều đối với việc tham gia sản xuất lúa theo tiêu chuẩn của người dân và cho rằng nắm rõ các thông tin về sản xuất theo tiêu chuẩn làm người dân nhận thức được sự phức tạp của quá trình sản xuất và chứng nhận từ đó lựa chọn không tham gia. Trong trường hợp tại Việt Nam thì thông tin từ bạn bè, người thân là một trong những kênh thu thập thông tin chính của các hộ dân và có ảnh hưởng quan trọng đến quyết định sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận của hộ (Nguyen Tien Dung & cs., 2022). Xét về nhận thức, nghiên cứu của Suneeporn & cs. (2020) đánh giá rằng nhận thức về bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng nhất tác động đến quyết định sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận của người dân. Kết quả này cũng được khẳng định trong báo cáo của Endro & cs. (2022). Các hộ nông dân là thành viên của các tổ chức dân sự, tổ hợp tác hoặc hợp tác xã thường có nhận thức và nắm bắt thông tin tốt hơn, từ đó chủ động hơn trong việc tham gia vào mô hình (Jourdain & cs., 2017; Hoang Gia Hung, 2021).

Kỳ vọng của hộ về hiệu quả kinh tế của mô hình là yếu tố quan trọng nhất quyết định việc hộ nông dân có tham gia sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn hay không (Saengabha & cs., 2015).

Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng hộ nông dân kỳ vọng sẽ nhận được lợi nhuận cao hơn từ việc sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận so với canh tác lúa truyền thống và kỳ vọng càng cao thì xác suất tham gia vào sản xuất lúa theo tiêu chuẩn chứng nhận càng cao (Khổng Tiến Dũng, 2020b; Endro & cs., 2022; Hồ Thị Thanh Sang & Lê Văn Gia Nhỏ, 2018; Endro & cs., 2022). Tuy nhiên, nghiên cứu của Saengabha & cs. (2015) lại cho thấy các hộ có kỳ vọng càng lớn về hiệu quả của việc sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận thì xác suất ngừng sản xuất có chứng nhận lại cao hơn. Điều này là do các hộ nông dân cảm thấy thất vọng khi lợi nhuận thực tế thấp hơn nhiều so với mong đợi. Mức độ chấp nhận rủi ro (risk preference) là yếu tố quan trọng tác động đến kỳ vọng của hộ về lợi nhuận từ mô hình sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn, từ đó ảnh hưởng đến quyết định tham gia của hộ. Việc thay đổi chiến lược sản xuất sẽ tiềm ẩn khá nhiều rủi ro về sinh trưởng của lúa, về dịch bệnh và thị trường, do đó những hộ sợ rủi ro sẽ ít có động lực chuyển đổi hơn so với những hộ có khả năng chấp nhận rủi ro (Nguyen Tien Dung & cs., 2022). Kỳ vọng về hiệu quả kinh tế khi tham gia vào mô hình của hộ cũng phụ thuộc rất nhiều vào sự có mặt của các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm từ mô hình, từ đó mức độ rủi ro của việc chuyển đổi sẽ giảm đi và hộ nông dân sẽ sẵn sàng hơn trong việc tham gia (Nguyễn Văn Thành & cs.,

2020a; Nguyễn Văn Thành & cs., 2020b). Cần lưu ý rằng kỳ vọng về lợi ích kinh tế của hộ hình thành từ dự tính của hộ và tham khảo từ các hộ nông dân đi trước. Do đó, doanh thu và lợi nhuận của hộ nông dân sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận sẽ trực tiếp tác động đến kỳ vọng về lợi ích kinh tế của các hộ nông dân có dự định chuyển đổi.

Như vậy, từ việc tổng quan lý thuyết, khung lý thuyết cho sản xuất lúa gạo tiêu chuẩn chứng nhận được thể hiện tại hình 1. Theo đó, hai nhóm yếu tố tác động đến sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận bao gồm các yếu tố nội tại của hộ nông dân như đặc điểm nhân khẩu học, đặc điểm sản xuất, nhận thức, thái độ đối với rủi ro và các yếu tố bên ngoài bao gồm độ lớn thị trường, chính sách quản lý và hỗ trợ và sự sẵn có của các sản phẩm và dịch vụ đầu vào. Hai nhóm yếu tố này sẽ quyết định đến kỳ vọng của hộ về lợi ích kinh tế khi chuyển đổi từ sản xuất truyền thống sang sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn. Tác động của việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn bao gồm cả các tác động vi mô (chi phí, năng suất, hiệu quả kinh tế) và vĩ mô (các ngoại tác tích cực và tiêu cực về mặt xã hội và môi trường). Việc đánh giá ở cấp vĩ mô sẽ là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách nhận thức được lợi ích xã hội mà việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn mang lại để có thể bố trí hỗ trợ một cách phù hợp.



Hình 1. Khung phân tích sản xuất lúa gạo theo các tiêu chuẩn chứng nhận

### 3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ THỨC ĐẨY SẢN XUẤT LÚA GẠO THEO TIÊU CHUẨN CHỨNG NHẬN

Việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận đã được các quốc gia trong khu vực triển khai thực hiện từ khá lâu và có nhiều bài học thành công cũng như thất bại từ các quốc gia này mà Việt Nam có thể rút ra để triển khai phát triển ngành lúa gạo trong nước. Trong các bài học kinh nghiệm thì bốn bài học chính được rút ra bao gồm: (1) Đẩy mạnh hỗ trợ trong giai đoạn chuyển đổi; (2) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hoàn chỉnh; (3) Tăng cường đào tạo và tập huấn nâng cao nhận thức với sự tham gia của người dân và (4) Ưu tiên các tiêu chuẩn được thị trường đích công nhận.

#### 3.1. Đẩy mạnh hỗ trợ trong giai đoạn chuyển đổi

Nghiên cứu tại Indonesia đã chỉ ra rằng khoảng thời gian 2 năm khi hộ nông dân chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang sản xuất theo tiêu chuẩn là giai đoạn thử nghiệm nên năng suất và hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa của hộ thường rất thấp (Endro & cs., 2022). Do đó, giai đoạn này Nhà nước cần có những khoản hỗ trợ đối với chi phí đầu vào sản xuất hoặc hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm của hộ nông dân với mức giá hợp lý. Ngoài ra, hỗ trợ đầu vào cũng là một nội dung quan trọng do các đầu vào cho sản xuất hữu cơ thường không sẵn có tại địa phương khi mô hình mới chỉ trong giai đoạn thử nghiệm.

#### 3.2. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hoàn chỉnh

Việc hoàn thiện hóa hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm lúa gạo sản xuất theo tiêu chuẩn là yếu tố tiên quyết để người tiêu dùng các nước châu Phi cận Sahara có thể nhận biết và tin tưởng được nguồn gốc và chất lượng của các sản phẩm này (Abate & cs., 2021). Để có thể triển khai một hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo, chính phủ quốc gia cần chuẩn bị tốt về: (1) Nguồn nhân lực chất lượng

cao đúng chuyên môn; (2) Nguồn ngân sách đảm bảo cho việc xây dựng hệ thống; (3) Đào tạo nâng cao nhận thức của các tác nhân trong chuỗi giá trị về vai trò của hoạt động truy xuất nguồn gốc; (4) Xây dựng một hệ thống truy xuất nguồn gốc linh động để có thể điều chỉnh theo những tiến bộ về khoa học kỹ thuật. Blockchain cũng là một công nghệ quan trọng để có thể nâng cao hiệu quả của hoạt động truy xuất nguồn gốc. Trong đó, dữ liệu từ các cảm biến tại ruộng được gửi về một nền tảng blockchain để đảm bảo tính thống nhất và bảo mật của dữ liệu (Srdjan & cs., 2022).

#### 3.3. Tăng cường đào tạo và tập huấn nâng cao nhận thức với sự tham gia của người dân

Các phân tích phía trên đã cho thấy nhận thức của người dân đóng vai trò quan trọng trong quyết định tham gia vào chương trình sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận. Do đó, các chương trình đào tạo, tập huấn là giải pháp không thể thiếu để thúc đẩy sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận. Kinh nghiệm từ Thái Lan cho thấy trong quá trình đào tạo cho các hộ nông dân, kiến thức được hình thành nhiều nhất từ các buổi tham vấn tác nhân và tham vấn cộng đồng (Patcharin & cs., 2021). Trong các buổi tham vấn này, kiến thức được đào tạo sẽ được tổng hợp và liên hệ cùng với kiến thức và đặc điểm của địa phương cũng như nhu cầu của người dân. Việc để người dân chủ động trong các buổi tham vấn này giúp khả năng tiếp thu và áp dụng kiến thức được nâng cao rõ rệt, thêm vào đó họ sẽ chủ động hơn, trong quá trình áp dụng và điều chỉnh.

#### 3.4. Ưu tiên các tiêu chuẩn được thị trường đích công nhận

Một trong những kinh nghiệm quan trọng của Thái Lan là việc sử dụng các tiêu chuẩn chứng nhận được thị trường đích của các sản phẩm nông nghiệp công nhận (Hérique & Faysse, 2021). Bài học này được rút ra từ chương trình phát triển 160 nghìn ha lúa hữu cơ được chứng nhận tại Thái Lan trong giai đoạn

từ 2017-2021. Trong giai đoạn này, để đơn giản về mặt quy trình và giảm chi phí chứng nhận, Thái Lan đã chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc gia về hữu cơ và không được các quốc gia tiêu thụ chấp nhận do những quan ngại về tính minh bạch trong quá trình xác nhận. Do đó mức giá của các sản phẩm hữu cơ này không cao hơn nhiều so với các sản phẩm ngoài mô hình dẫn đến mức lợi nhuận của người dân không được cao như kỳ vọng.

#### 4. THỰC TIỄN SẢN XUẤT LÚA GẠO THEO TIÊU CHUẨN CHỨNG NHẬN TẠI VIỆT NAM

Hiện nay phần lớn diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn còn rất nhỏ, manh mún và thường đi cùng với các dự án phát triển (Khổng Tiến Dũng, 2022). Số liệu về thực tế diện tích lúa sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận tại Việt Nam hiện nay không sẵn có ở cấp quốc gia (Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online, 2023) mà chỉ có báo cáo của từng tỉnh. Thông tin về chủ thể và vùng trồng được cấp chứng nhận cũng không thật sự đầy đủ, chỉ có thông tin về địa chỉ (VietGAP, 2023) hoặc có thông tin về diện tích sản xuất nhưng không đầy đủ (The Sustainable Rice Platform, 2023). Hiệu quả của việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn tại Việt Nam cũng đã được chứng minh, ví dụ giá bán sản phẩm lúa hữu cơ cao hơn 20-30% và lợi nhuận bình quân cao hơn 3,43 triệu đồng (tương đương khoảng 20%). Tuy nhiên diện tích cấp chứng nhận biến động mạnh qua các năm do các hộ nông dân, hợp tác xã thường không duy trì việc xin cấp chứng nhận sau khi dự án kết thúc.

Xét về các tổ chức cấp chứng nhận, đến nay Việt Nam đã có 17 đơn vị chứng nhận VietGAP cho trồng trọt, trong đó có sản phẩm lúa gạo (VietGAP, 2023), 4 đơn vị chứng nhận GlobalGAP (Văn phòng công nhận chất lượng, 2023) và 5 đơn vị chứng nhận hữu cơ (Viện nghiên cứu Sinh học ứng dụng, 2023). Mặc dù số lượng khá nhiều nhưng các đơn vị này tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn, cơ sở sản xuất lúa gạo tại các thành phố nhỏ hoặc khu vực nông thôn sẽ phải chịu chi phí chứng nhận cao hơn do

chi phí di chuyển của các cán bộ chứng nhận. Việc phát triển các tổ chức chứng nhận này cũng có tiêu cực nhất định khi các đơn vị cạnh tranh nhau bằng giá và kiểm tra thiếu chặt chẽ để thu hút thêm khách hàng (Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ, 2022).

Hiện nay chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất lúa theo các tiêu chuẩn chứng nhận tại Việt Nam mới chỉ tập trung hỗ trợ chi phí điều tra cơ bản, đào tạo tập huấn, hỗ trợ một lần chi phí thuê đánh giá,... theo Quyết định 01/2012/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và thông tư liên tịch 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT hướng dẫn thực hiện quyết định 01/2012/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông, lâm nghiệp và thủy sản. Ngoài ra, chính phủ Việt Nam cũng đã có nghị định 58/2018/NĐ-CP về bảo hiểm nông nghiệp nhằm hỗ trợ chi phí bảo hiểm cho các hộ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn chứng nhận, tuy nhiên mức hỗ trợ đối với nhóm hộ có tiềm năng phát triển sản xuất lúa theo các tiêu chuẩn chứng nhận còn thấp trong khi phí bảo hiểm còn khá cao và dịch vụ bảo hiểm còn chưa sẵn có. Do đó, Chính phủ cũng cần có những chính sách hỗ trợ để hình thành các sản phẩm bảo hiểm với mức phí bảo hiểm phù hợp với đối tượng và năng lực chi trả của người dân, từ đó giảm thiểu rủi ro cho người dân trong quá trình chuyển đổi. Một hạn chế khác là hầu hết các hỗ trợ đều tập trung vào việc cấp chứng nhận VietGAP, tuy nhiên chứng nhận này chủ yếu chỉ được công nhận trong nước, ít được các quốc gia khác trên thế giới công nhận.

Công tác quản lý truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm gạo chứng nhận tại Việt Nam còn khá nhiều hạn chế. Việc quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và nguồn gốc các sản phẩm nông sản trên thị trường còn bị chông chéo giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công thương (Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ, 2022) dẫn đến tình trạng nhiều trường hợp sản phẩm không an toàn nhưng được dán nhãn tiêu



chuẩn và tiêu thụ trong các siêu thị Thùy Linh, 2022). Nhiều thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm bị mất đi trong quá trình lưu chuyển của sản phẩm trong chuỗi cung ứng (Purwandoko & cs., 2018).

Tương tự đối với trường hợp của Việt Nam, hiện nay các chính sách chủ yếu ưu tiên hỗ trợ cho việc chứng nhận theo các tiêu chuẩn nội địa như VietGAP, trong khi tiêu chuẩn này gần như không được công nhận trên thị trường quốc tế, gây lãng phí nguồn lực thực hiện của cả người dân và các đơn vị hỗ trợ.

## 5. KẾT LUẬN

Các nghiên cứu chỉ ra việc sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận nói riêng và sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn chứng nhận nội dung có những tác động tích cực đến người sản xuất và xã hội, giúp giảm chi phí, tăng thu nhập và giảm thiểu các tác động về môi trường. Tuy nhiên, cũng có nhiều nghiên cứu cho thấy tác động này là không rõ rệt trong nhiều trường hợp nếu việc thực thi không được triển khai hiệu quả.

Các nghiên cứu cũng đi vào tìm hiểu yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn của người dân sử dụng cách tiếp cận khác nhau, trong đó có thể tổng hợp lại ba nhóm yếu tố chính bao gồm: (1) đặc điểm nhân khẩu học và đặc điểm sản xuất của hộ; (2) nhận thức và hiểu biết của người dân về sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn và (3) kỳ vọng của hộ về lợi nhuận khi tham gia mô hình. Tuy nhiên nhận định về chiều tác động của các yếu tố này đối với việc tham gia sản xuất lúa theo tiêu chuẩn của hộ có sự khác biệt khá lớn giữa các nghiên cứu ở cả ba nhóm yếu tố do những khác biệt về kinh tế, văn hóa và xã hội của địa bàn nghiên cứu, đặc điểm của hoạt động sản xuất của người dân và thị trường tiêu thụ.

Bài viết cũng đã tổng kết kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn chứng nhận, trong đó ba kinh nghiệm chính có thể rút ra được cho Việt Nam bao gồm: (1) Mở rộng phạm vi hỗ trợ cho người dân, đặc biệt

trong quá trình chuyển đổi từ sản xuất lúa gạo truyền thống sang sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận; (2) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hoàn chỉnh, ứng dụng các công nghệ tiên tiến như blockchain; (3) Đẩy mạnh đào tạo nhằm nâng cao nhận thức của người dân về hiệu quả của việc sản xuất lúa theo các tiêu chuẩn chứng nhận và (4) Hướng dẫn đến các tiêu chuẩn quốc tế được thị trường công nhận như GlobalGAP, SRP, Hữu cơ,... và đẩy mạnh áp dụng số hóa vào trong việc giám sát để giảm thiểu chi phí chứng nhận. Đẩy mạnh hỗ trợ trong quá trình chuyển đổi từ sản xuất lúa gạo truyền thống sang sản xuất theo các tiêu chuẩn chứng nhận; (2) Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hoàn chỉnh cho các sản phẩm có chứng nhận; (3) Tăng cường công tác đào tạo tập huấn và nâng cao năng lực cho người dân về sản xuất lúa gạo theo các tiêu chuẩn chứng nhận.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abate G.T., Bernard T., Janvry A.d., Sadoulet E. & Trachtma C. (2021). Introducing quality certification in staple food markets in Sub-Saharan Africa: Four conditions for successful implementation. *Food Policy*. 105.
- Alexander M.S., Krishna P.D., Takahiro S., Anny R.P.P., Carlito B., Nguyen Thi My Phung, Nguyen Thi Kieu, Pham Thi Minh Hieu, Tran Hai Long, Sarah B. & Grant R.S. (2018). On-farm assessment of different rice crop management practices in the Mekong Delta, Vietnam, using sustainability performance indicators. *Field Crops Research*. 229(1): 103-114.
- Apaolaza V., Hartmann P., D'Souza C. & López C.M. (2018). Eat organic - Feel good? The relationship between organic food consumption, health concern and subjective wellbeing. *Food Quality and Preference*. 63: 51-62.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014). Báo cáo cập nhật hai năm một lần lần thứ nhất của Việt Nam cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và bản đồ Việt Nam.
- CBI (2022). What is the current offer in social certifications and how will it develop? Retrieved from Centre for the Promotion of Imports from developing countries: <https://www.cbi.eu/market-information/social-certifications> on March 11, 2023.

- DeFries R.S., Fanzo J., Mondal P., Remans R. & Wood S.A. (2017). Is voluntary certification of tropical agricultural commodities achieving sustainability goals for small-scale producers? A review of the evidence. *Environmental Research Letters*. 12(3).
- Ditlevsen K., Sandøe P. & Lassen J. (2019). Healthy food is nutritious, but organic food is healthy because it is pure: The negotiation of healthy food choices by Danish consumers of organic food. *Food Quality and Preference*. 71: 46-53.
- Endro S., Gunawan Syahyuti, S., Darwis, V., Ashari, Syukur, M., Ariningsih E., Saliem H.P, Mardianto S. & Marhendro. (2022). Farmers' perception, awareness, and constraints of organic rice farming in Indonesia. *Open Agriculture*, 7(1). doi: <https://doi.org/10.1515/opag-2022-0090>
- Eyhorn F., Berg M.V., Decock C., Maat H. & Srivastava A. (2018). Does Organic Farming Provide a Viable Alternative for Smallholder Rice Farmers in India? *Sustainability*. 10(12): 4424.
- GlobalGAP (2023). GLOBALG.A.P. History. Retrieved from [https://www.globalgap.org/uk\\_en/who-we-are/about-us/history/](https://www.globalgap.org/uk_en/who-we-are/about-us/history/) on March 11, 2023.
- Hérique O. & Faysse N. (2021). A large-scale public programme to promote organic rice farming in Thailand: building solid foundations to enable farmers to engage? *Organic Agriculture*. 11: 27-40.
- Hồ Thị Thanh Sang & Lê Văn Gia Nhỏ (2018). Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia sản xuất lúa hữu cơ trong hệ thống canh tác lúa - tôm tại tỉnh Trà Vinh. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam*. 7(92): 37-42.
- Hoang Gia Hung (2021). Determinants of adoption of organic rice production: a case of smallholder farmers in Hai Lang district of Vietnam. *International Journal of Social Economics*. 48(10): 1463-1475.
- Infinity Business Insights (2023). Global Organic Rice Market 2023 by Manufacturers, Global Organic Rice Market 2023 by Manufacturers, Regions, Type and Regions, Type and Application, Forecast to 2029. New Jersey.
- International Organization for Standardization (2023). *ISO*. Retrieved from <https://www.iso.org/about-us.html> on March 11, 2023
- Jourdain D., Srisopaporn S., Perret S. & Shivakoti G. (2017). Chapter 18 - The Role of Information Provision on Public GAP Standard Adoption: The Case of Rice Farmers in the Central Plains of Thailand. In G. P. Shivakoti, U. Pradhan & Helmi. *Redefining Diversity & Dynamics of Natural Resources Management in Asia*. Elsevier. pp. 331-350.
- Khổng Tiến Dũng (2020). Hiệu quả tài chính và sự sẵn lòng chuyển đổi sang mô hình lúa hữu cơ của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 56(5D): 218-226.
- Khổng Tiến Dũng (2022). Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại Đồng bằng sông Cửu Long: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Vĩnh Long và các ngụ ý chính sách. *Tạp chí khoa học Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh*. 17(1): 5-18.
- Kýlýtç O., Boz Ý. & Eryılmaz G.A. (2020). Comparison of conventional and good agricultural practices farms: A socio-economic and technical perspective. *Journal of Cleaner Production*. 258.
- Kongsom C. & Panyakul V. (2016). Production and Market of Certified Organic Products in Thailand. *International Journal of Economics and Management Engineering*. 10(8): 2723-2727.
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ (2022). Lông leo quy trình quản lý nông sản ra thị trường. Truy cập từ Trang Thông tin điện tử Liên minh Hợp tác xã tỉnh Phú Thọ. Truy cập từ <https://lmhtx.phutho.gov.vn/Chuyen-muc-tin/Chi-tiet-tin/t/long-leo-quy-trinh-quan-ly-nong-san-ra-thi-truong/title/37134/> ngày 11/03/2023.
- Meemken E.-M. (2020). Do smallholder farmers benefit from sustainability standards? A systematic review and meta-analysis. *Global Food Security*. 26.
- Mishra A.K., Kumar A., Joshi P.K., D'Souza A. & Tripathi G. (2018). How can organic rice be a boon to smallholders? Evidence from contract farming in India. *Food Policy*. 75: 147-157.
- Nguyen Cong Thanh, Nguyen Van Manh, Nguyen Van An, Phan Thị Phương Thảo, Doan Thị Hồng Cam, Nguyen Tien Hai & Nguyen Thi Huong (2016). Some Initial Results on Research and Modeling of Organic Rice Production in the Mekong Delta, Vietnam. *International Journal of Energy and Environmental Science*. 1(1): 29-36.
- Nguyen H.D. My, Matty Demont, Ellen J. Van Loo, Annalyn de Guia, Pieter Rutsaert, Tran Huu Tuan & Wim Verbeke (2018). What is the value of sustainably-produced rice? Consumer evidence from experimental auctions in Vietnam. *Food Policy*. 79: 283-296.
- Nguyen Ngoc Thanh (2012). Potentials and challenges in farming and food systems of Globalgap rice in the Mekong Delta of Vietnam. Norwegian University of Life Sciences.
- Nguyen Tien Dung, Hoang Gia Hung & Le Thi Hoa Sen (2022). Understanding farmers' behavior regarding organic rice production in Vietnam. *Organic Agriculture*. 12: 63-73.
- Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Việt Tuấn, Cao Thị Thuyết, Nguyễn Thiện Tâm, Nguyễn Xuân Cảnh, Lê Văn Nam & Lê Việt Linh (2020a). Hiệu quả kinh tế canh tác lúa hữu cơ ở tỉnh Thừa Thiên Huế:

- trường hợp nghiên cứu ở xã Phú Lương. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 18(8): 553-561.
- Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Việt Tuấn, Lê Văn Nam, Phan Thiện Phước, Nguyễn Thị Ái Vân, Lê Việt Linh, & Mai Thu Giang (2020b). Thực trạng hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa hữu cơ ở xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế. Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 129(3A): 43-55.
- Nguyen Dinh Toan & Truong Dinh Chien (2021). The Impact of Psychological and Environmental Factors on Consumers' Purchase Intention toward Organic Food: Evidence from Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*. 8(1): 915-925.
- Noppol A., Sreenonchai S., Chaowiwat W., Wang C. & Hatano R. (2020). Carbon, Nitrogen and Water Footprints of Organic Rice and Conventional Rice Production over 4 Years of Cultivation: A Case Study in the Lower North of Thailand. *Agronomy*. 12(2).
- Ortega D.L., Wang H.H., Wu L. & Hong S.J. (2015). Retail channel and consumer demand for food quality in China. *China Economic Review*. 36: 359-366.
- Oya C., Schaefer F., Skalidou D., McCosker C. & Langer L. (2017). Effects of certification schemes for agricultural production on socio-economic outcomes in low- and middle-income countries: a systematic review. *Campbell Systematic Reviews*. 13(1):1-346.
- Patcharin S.-h., Arunrat N., Pumijumpong N., Chareonwong U., Stewart T.N. & Sreenonchai, S. (2021). Knowledge Translation Process of the Sustainable Rice Platform (SRP) Standard in Thailand. *Journal of Community Development Research (Humanities and Social Sciences)*. 14(2): 90-105.
- Phạm Thị Phương Thúy, Võ Văn An & Trương Thanh Tú (2014). Xây dựng mô hình sản xuất 100 ha lúa chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh các trở ngại và giải pháp. *Tạp chí Khoa học công nghệ*. 15: 3-10.
- Presilla M. (2018). The development of organic farming in Vietnam. *Journal for Area Studies*. 9(1): 20.
- Purwandoko P.B., Seminar K.B., Sutrisno & Sugiyanta (2018). Framework for Design of Traceability System on Organic Rice Certification. IOP Conference Series Earth and Environmental Science Gothenburg: 244th Electrochemical Society Meeting. pp. 1-9.
- Reddy A.A., Melts I., Mohan G., Rani C.R., Pawar V., Singh V., Bhattarai M. (2022). Economic Impact of Organic Agriculture: Evidence from a Pan-India Survey. *Sustainability*. 14(22): 15057.
- Saengabha S., Damien J., Sylvain P. & Ganesh S. (2015). Adoption and continued participation in a public Good Agricultural Practices program: The case of rice farmers in the Central Plains of Thailand. *Technological Forecasting and Social Change*. 96: 242-253.
- Schleifer P., & Sun Y. (2020). Reviewing the impact of sustainability certification on food security in developing countries. *Global Food Security*. 24.
- Scialabba N.E.-H., & Hattam C. (2002). *Organic agriculture, environment and food security*. Rome: FAO.
- Srdjan T., Dejanović S., Feng H., Stankovski S., Ostojić G., Kučević D. & Marjanović J. (2022). Blockchain Framework for Certification of Organic Agriculture Production. *Sustainability*. 14(19).
- Stranieri S., Ricci E.C. & Banterle A. (2017). Convenience food with environmentally-sustainable attributes: A consumer perspective. *Appetite*. 116: 11-20.
- Suneeporn S., Chanhathai K., Krichanont I. & Unggoon W. (2020). Farmers' Adoption of Organic Rice Production in Chachoengsao Province, Thailand. *Journal of Agricultural Extension*. 24(2).
- Suwanmaneepong S., Kerdsriserm C., Lepcha N. & Llonas H. J. (2020). Cost and return analysis of organic and conventional rice production in Chachoengsao Province, Thailand. *Organic Agriculture*. 10: 369-378.
- The Sustainable Rice Platform (2023). Member Directory. Retrieved from <https://sustainable-rice.org/become-an-srp-member/#member-directory> on Feb 14, 2022.
- Thùy Linh (2022). Vụ rau 'VietGAP dõm' vào siêu thị: Cần làm gì để bảo vệ người tiêu dùng? Truy cập từ <https://thanglong.chinhphu.vn/vu-rau-vietgap-dom-vao-sieu-thi-can-lam-gi-de-bao-ve-nguoi-tieu-dung-103220922145527938.htm> ngày 02/02/2023.
- Tổng cục Hải quan (2023). Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Truy cập từ <https://www.customs.gov.vn/index.jsp?pageId=5141&cId=0&group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch> ngày 12/12/2022.
- Tổng cục Thống kê (2020). Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Nhà xuất bản Thống kê.
- Trần Minh Hùng, Lê Cảnh Dũng & Đặng Thị Bảo Trang (2020). Đánh giá tác động của việc chuẩn hóa sản phẩm trong sản xuất lúa theo VietGAP của hợp tác xã Khiết Âm, huyện Vĩnh Thạnh, thành

- phổ Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 18(11): 1018-1025.
- Trung Chánh (2020). Việt Nam có bao nhiêu diện tích lúa đạt tiêu chuẩn GAP/VietGAP?. Truy cập tại: <https://thesaigontimes.vn/viet-nam-co-bao-nhieu-dien-tich-lua-dat-tieu-chuan-gap-vietgap/> ngày 22/1/2023.
- United States Environmental Protection Agency (2023). Introduction to Pesticide Drift. Retrieved from <https://www.epa.gov/reducing-pesticide-drift/introduction-pesticide-drift> on March 11, 2023.
- Văn phòng công nhận chất lượng (2023). Tìm kiếm tổ chức chứng nhận. Truy cập từ <http://www.boa.gov.vn/vi/tim-kiem-chung-nhan> ngày 01/03/2023
- Viện Nghiên cứu Sinh học ứng dụng (2023). Những tổ chức chứng nhận hữu cơ tại Việt Nam. Truy cập từ <https://vbio.vn/to-chuc-chung-nhan-huu-co-tai-viet-nam/> ngày 01/03/2023.
- VietCert Centre (2017). Lịch sử và sự ra đời của tổ chức GAP các nước. Truy cập từ VietCert: <https://vietcert.org/lich-su-va-su-ra-doi-cua-to-chuc-gap-cac-nuoc-eurepgap-globalgap-aseangap-malaysiagap-thaigap-chinagap-japangap-indiagap-va-vietgap-a-1246.html> ngày 01/03/2023
- VietGAP (2023). Cổng thông tin điện tử của VietGAP. Truy cập từ <http://www.vietgap.com> ngày 01/03/2023
- Vinacontrol (2023). Công ty cổ phần Chứng nhận và kiểm định Vinacontrol. Truy cập từ Chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hóa | 5 lưu ý cần biết. Truy cập từ <https://vncc.vn/chung-nhan-chat-luong-san-pham-hang-hoa> ngày 01/03/2023
- Vũ Anh Pháp, Lê Thành Phiêu & Bùi Chúc Ly (2021). Hiệu quả sản xuất lúa gạo theo hướng VietGAP tại Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. 63(10): 01-04.
- Yanakittkul P. & Aungvaravong C. (2020). A model of farmers intentions towards organic farming: A case study on rice farming in Thailand. Heliyon. 6(1).